

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Võ Anh	Tùng	3471010381	11/12/1992		5,50	5,50	
2	Phan Văn	Điệp	3574011124	02/11/1993		8,00	8,00	
3	Nguyễn Cửu	Lợi	3575011410	19/06/1992				Nợ HP
4	Nguyễn Võ Nhật	Nam	3771020614	26/08/1992		5,00	5,00	
5	Trương Ngọc	Toàn	3771020619	09/07/1995				
6	Phạm Quốc	Việt	3771020622	08/06/1994		5,50	5,50	
7	Hồ Tấn	Vinh	3771020623	14/01/1995		6,00	6,00	
8	Nguyễn Thế	Phong	3771020624	02/02/1995		6,00	6,00	
9	Nguyễn Văn	Thức	3771020626	12/04/1994		5,30	5,30	
10	Hồ Công	Khanh	3771020628	05/03/1995		5,50	5,50	
11	Nguyễn Trần Thành	Nguyên	3771020629	31/07/1995				
12	Nguyễn Cao	Đắc	3771020630	01/01/1994		7,50	7,50	
13	Nguyễn Khắc	Hùng	3771020633	20/02/1995		5,00	5,00	
14	Trần Quốc	Cường	3771020634	16/02/1995		5,00	5,00	
15	Đặng Văn	Mẫu	3771020637	10/02/1992		5,50	5,50	
16	Bùi Bảo	Sơn	3771020638	08/05/1994		5,50	5,50	
17	Tăng Thanh	Quân	3771020640	02/08/1994		5,00	5,00	
18	Huỳnh Công	Danh	3771020647	02/04/1995		5,00	5,00	
19	Nguyễn Hoàng	Hạc	3771020649	27/07/1993		5,00	5,00	
20	Nguyễn Ngọc	Tài	3771020650	01/02/1995				
21	Đậu Đình	Huỳnh	3771020656	12/12/1995		8,00	8,00	
22	Hoàng Văn	Sơn	3771020663	06/07/1994		5,00	5,00	
23	Nguyễn Văn	Nam	3771020664	08/05/1994		5,80	5,80	
24	Mai Thiêu	Huy	3771020665	04/03/1992		5,00	5,00	
25	Nguyễn Đức	Phúc	3771020669	30/09/1990		7,50	7,50	
26	Lê Xuân	Nguyên	3771020670	13/04/1995		5,00	5,00	
27	Nguyễn Quang	Thống	3771020671	27/09/1995		5,00	5,00	
28	Nguyễn Trọng	Kha	3771020674	05/01/1995		7,00	7,00	
29	Phạm Văn	Công	3771020675	13/03/1995		5,50	5,50	
30	Đoàn Văn	Hiếu	3771020681	06/01/1994		9,00	9,00	
31	Huỳnh Anh	Vũ	3771020682	23/03/1994		8,50	8,50	
32	Võ Thành	Mỹ	3771020686	20/02/1994				
33	Nguyễn Thanh	Tân	3771020687	28/10/1994		5,50	5,50	
34	Trương Minh	Tâm	3771020689	10/05/1995				
35	Võ Minh	Quân	3771020693	01/04/1994		5,50	5,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Văn	Tài	3771020695	12/02/1993		5,00	5,00	
37	Bà Quốc	Khánh	3771021086	02/09/1993		5,00	5,00	
38	Trần Văn	Thịnh	3771021150	01/03/1995		5,00	5,00	
39	Võ Văn	Nam	3771021189	14/10/1995		5,50	5,50	
40	Đỗ Hiệp	Phát	3771021201	28/10/1995		8,00	8,00	
41	Phan Thanh	Phong	3771021205	29/12/1994		5,00	5,00	
42	Nguyễn Ngọc	Trình	3771021233	10/02/1995		7,00	7,00	
43	Nguyễn Đức	Tiền	3771021245	02/02/1995		5,50	5,50	
44	Đặng Xuân	Hiệp	3771021252	19/01/1995		5,00	5,00	
45	Lê Văn	Thảo	3771021274	17/02/1992		5,00	5,00	
46	Nguyễn Thanh	Xuân	3771021285	18/04/1995				
47	Lê Duy	Linh	3771021316	01/06/1995		9,00	9,00	
48	Võ Duy	Thanh	3771021323	17/03/1995		5,50	5,50	
49	Lê Văn	Son	3771021354	20/09/1994		6,50	6,50	
50	Nguyễn Văn	Bình	3771021355	02/06/1990		6,00	6,00	
51	Nguyễn Ngọc	Linh	3771021415	13/05/1995		5,00	5,00	
52	Trần Quang	Bảo	3771050401	25/05/1994		7,00	7,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)